

Dò bài cũ



1. Static là gì? Ràng buộc khi sử dụng static

2. Các loại biến

Static là gì

Ràng buộc



- Là từ khóa dùng để **khai báo** thuộc tính và phương thức **thuộc** về **class** chứ **không** phải của **đối tượng** => Có thể truy cập các phương thức và biến **static** mà **không cần tạo đối tượng**.
- **Truy xuất** thành phần **static** (thuộc tính, phương thức) thông qua tên **class**, hoặc có thể thông qua **đối tượng**.
- Mục đích
 - Định nghĩa thuộc tính, phương thức **chung** của **toàn bộ đối tượng**
 - Tạo ra các lớp **tiện ích**.

Ràng buộc khi sử dụng static

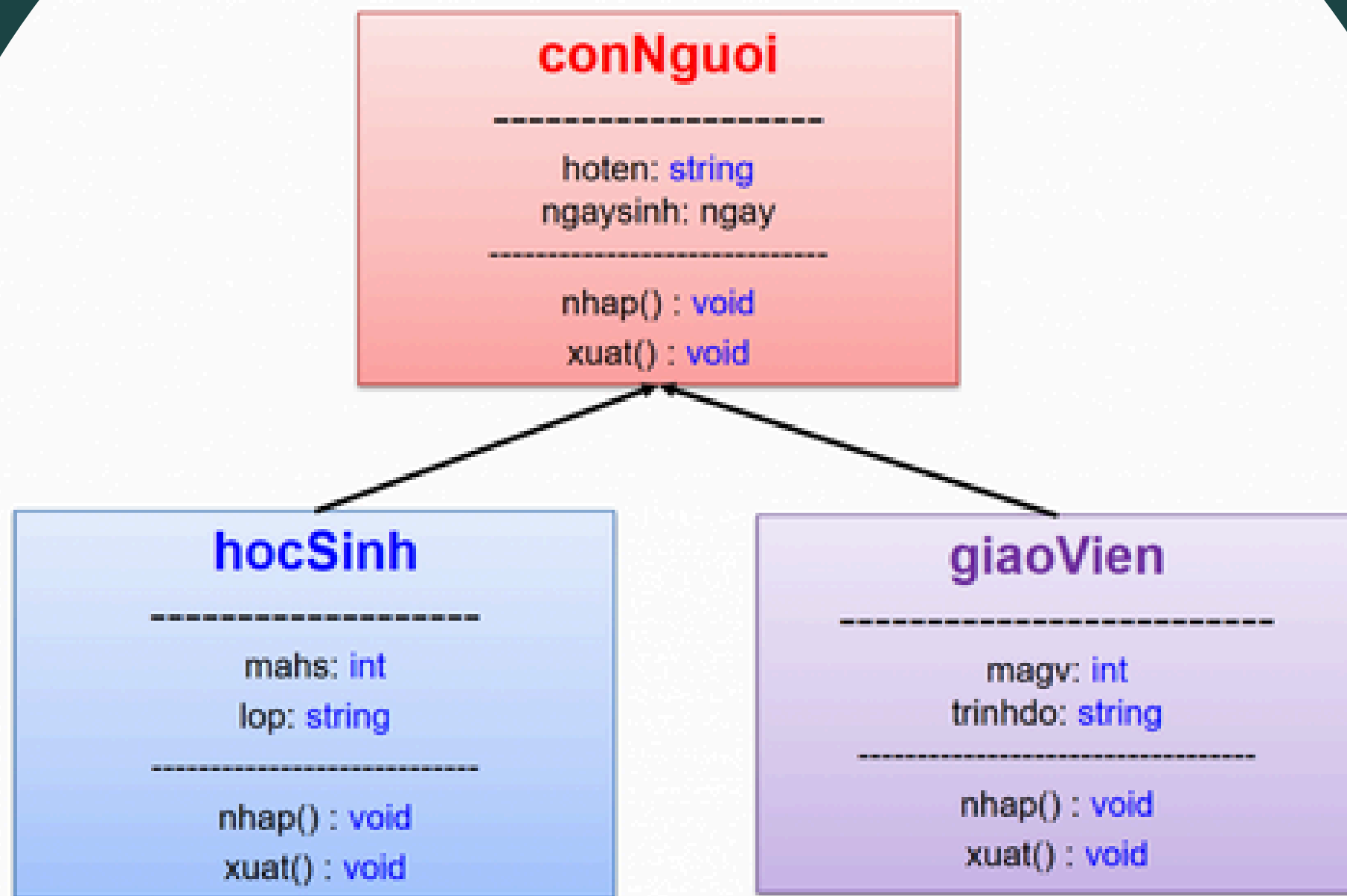


- **Phương thức static**
 - Chỉ **có thể** gọi phương thức và thuộc tính **static**.
 - **Không thể** gọi phương thức và thuộc tính **non-static**.
 - **Không thể** sử dụng **this** hoặc **super**
- **Phương thức non-static**
 - **Có thể** gọi phương thức và thuộc tính **static**.
- **Có thể** khởi tạo giá trị **biến static** thông qua **khối static**.

Các loại biến



- Biến **toàn cục** (global, instance, đối tượng)
 - Khai báo trong một **class**, bên ngoài constructor, method và block {}
- Biến **cục bộ** (local)
 - Khai báo bên trong constructor, method hoặc block {}
- **Biến static**
 - Được khai báo bằng từ khóa static



Kế thừa



NỘI DUNG CHÍNH

1	Kế thừa là gì
2	Mối quan hệ và đặc điểm
3	Overload & Override
4	Từ khóa super
5	Từ khóa final



Kế thừa



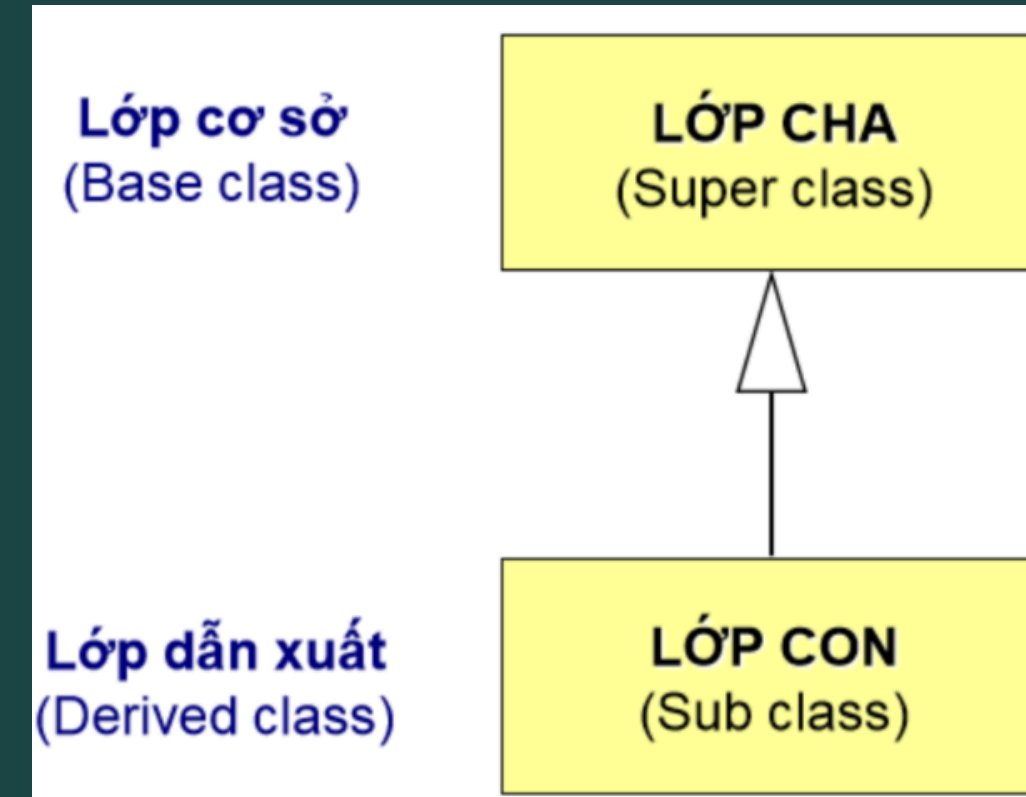
- Là cơ chế cho phép **lớp con** có thể sử dụng lại các **đặc điểm** và **hành vi** đã được định nghĩa ở **lớp cha**.
- Mục đích
 - **Tái sử dụng** mã nguồn

Mối quan hệ và đặc điểm

is-a
has-a



- Mối quan hệ giữa lớp con và lớp cha là : **is – a**
 - **Lớp cha** (super class, parent class, base class)
 - **Lớp con** (subclass, child class, derived class)
- Đặc điểm
 - Lớp con **không thể kế thừa constructor** của lớp cha
 - Lớp con **không thể truy cập tài sản private** của lớp cha
 - Java **không** hỗ trợ **đa kế thừa**.



is-a & has-a



- Mỗi quan hệ **is-a**
 - Được xác định thông qua từ khóa **extends**
 - **Cat extends Animal**
 - **Cat is-an Animal**
 - Trường hợp **sai**: **Animal is an Cat**
- Mỗi quan hệ **has-a**
 - Được xác định thông qua **sự sở hữu**.

```
class Person {  
    Heart heart = new Heart();  
    // code  
}
```
 - **Person has-a Heart**
 - Trường hợp **sai**: **Heart has-a Person**

Overloading & Overriding



- **Overloading** – Nạp chồng
 - Một lớp có nhiều phương thức cùng tên nhưng khác nhau về số lượng và kiểu dữ liệu của tham số
 - Làm tăng khả năng đọc hiểu của chương trình
 - Xảy ra trong cùng một class
- **Overriding** – Ghi đè
 - Lớp con có phương thức cùng tên, cùng tham số, cùng kiểu trả về với lớp cha.
 - Định nghĩa lại phương thức của cha sao cho phù hợp với phương thức của con.
 - Xảy ra trong quan hệ kế thừa

Super



- Từ khóa super đại diện cho **đối tượng** của **lớp cha**
- Dùng để gọi constructor, phương thức, thuộc tính của **lớp cha**

Final



- Được sử dụng trong rất nhiều ngữ cảnh
 - Đi với biến
 - Hằng số
 - Đi với phương thức
 - Không cho ghi đè
 - Đi với class
 - Không cho kế thừa (Vô sinh)



DATABASE

**THANK
YOU**